

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 775/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Cảnh; Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không có.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024. Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 601/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số E, E, tỉnh lộ 8, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Đào Văn X (Xin vắng mặt)

* Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn và bản tự khai, biên bản hòa giải của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Văn X trình bày như sau:

Ngày 16/11/2019, bà Đào Thị N có ký với Ngân hàng TMCP S 01 hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, loại thẻ JCB Classic, số thẻ: 356351-1564 hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất hợp đồng: 33,2%/năm.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 09/10/2023 như sau:

1/ Loại thẻ JCB Classic, số thẻ: 356351-1564 hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng. Nợ gốc là 33.026.961 đồng; lãi quá hạn là 15.070.185 đồng. Tổng cộng là

48.097.146 (Bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi sáu) đồng.

Bị đơn bà Đào Thị N vắng mặt không lý do đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Đào Thị N tranh chấp về hợp đồng tín dụng vay tiền thông qua hợp đồng tín dụng, hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do giao dịch xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng bà N có đại diện gia đình đã ký tên xác nhận nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Đào Thị N tranh chấp hợp đồng tín dụng về sử dụng thẻ vay tiền tiêu dùng cá nhân. Thông báo thụ lý vụ án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện đã được Tòa án tổng đạt cho bị đơn nhưng đến hết thời hạn được thông báo bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ.

[2.2] Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng

cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Từ những căn cứ trên, xét thấy bị đơn bà Đào Thị N không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu thu thập được để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2.3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự được xác định như sau:

2.3.1/ Loại thẻ JCB Classic, số thẻ: 356351-1564 hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 24/9/2024; Nợ gốc là 33.026.961 đồng; lãi quá hạn thẻ tín dụng tồn đọng là 30.183.305 đồng. Tổng cộng là 63.210.266 (Sáu mươi ba triệu hai trăm mười nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

Do đó, có căn cứ xác định bà N phải thanh toán tổng số tiền 63.210.266 (Sáu mươi ba triệu hai trăm mười nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên bên cho vay là Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền vốn, lãi vay còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 25/9/2024 bà Đào Thị N tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn theo các Hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên và các thỏa thuận khác đã ký cho đến khi bà N thanh toán hết các khoản nợ nêu trên.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147 và Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S(S1) về việc đòi bà Đào Thị N trả tiền vốn vay và tiền lãi.

Buộc bà Đào Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S (S1) tiền vốn và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 24/9/2024: Nợ gốc là 33.026.961 đồng; lãi quá hạn thẻ tín dụng tồn đọng là 30.183.305 đồng. Tổng cộng là 63.210.266 (Sáu mươi ba triệu hai trăm mười nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 25/9/2024 bà Đào Thị N tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ nêu trên và các thỏa thuận khác đã ký cho đến khi bà Đào Thị N thanh toán hết các khoản nợ nêu trên.

2/ Về án phí: Bà Đào Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.160.513 (ba triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm mười ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí 1.202.428 (Một triệu hai trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi tám) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0019157 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm